| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 98/2023/QĐST-HNGĐ | *Đ, ngày 08 tháng 9 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 231/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Đình T** - Sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2023;

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Đình T và bà Trần Thị M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Ông Trần Đình T và bà Trần Thị M thuận tình ly hôn.

* Về nuôi con: Giao cháu Trần Đình T1, sinh ngày 21/12/2013 cho ông Trần Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

* Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông T và bà M mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Đình T tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; Trả lại cho ông Trần Đình T 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005305, ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu: KT, VP, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Bằng**

Căn cứ khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông T và bà M mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Vi Thị Hà Trang tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; Trả lại cho bà Vi Thị Hà Trang 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005208, ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên.